



Số: **04**/2024/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 17 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công;
thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản
Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về
lựa chọn nhà thầu;

Xét Tờ trình số 1319/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định về việc phân cấp
quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá,
dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về phân cấp thẩm quyền:

a) Quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam, gồm: mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước.

Việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan của Đảng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ (trừ Văn phòng huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện).

b) Quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam.

Đối với lĩnh vực an ninh, quốc phòng: quyết định mua sắm tài sản công, mua sắm hàng hoá, dịch vụ để phục vụ nhiệm vụ của đơn vị trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang và các quy định về phân cấp, quản lý sử dụng tài sản công, mua sắm hàng hoá, dịch vụ theo quy định hiện hành.

2. Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

3. Đối với tài sản công và hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục mua sắm tập trung theo quy định về mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về mua sắm tập trung.

4. Các nội dung khác về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.

2. Văn phòng Tỉnh uỷ và các đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh uỷ mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.

3. Văn phòng huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.

4. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm: Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần

chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ trong đó có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp.

6. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh để mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hoá, dịch vụ.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Việc phân cấp đảm bảo phù hợp với quy định của Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quản lý, sử dụng tài sản công; mua sắm hàng hoá, dịch vụ. Chủ thể nhận phân cấp (cá nhân trong trường hợp đặc thù, cơ quan, tổ chức, đơn vị) quyết định theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm về quyết định trước chủ thể phân cấp và pháp luật.

2. Tài sản công, hàng hoá, dịch vụ được đầu tư, trang bị phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG (KHÔNG BAO GỒM MUA SẮM TÀI SẢN CỦA CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và trường hợp quy định mua sắm tài sản tại Điều 13 Nghị quyết này)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với tài sản công là: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công

để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu mua sắm có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo và gói thầu mua sắm có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên đối với các đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý còn lại (trừ quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều này).

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm cả Văn phòng huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) quyết định mua sắm tài sản công để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) đối với gói thầu mua sắm có giá trị dưới 10 tỷ đồng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo và gói thầu mua sắm có giá trị dưới 01 tỷ đồng đối với các lĩnh vực còn lại.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản công để phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả đơn vị có đơn vị cấp I quản lý thuộc cấp tỉnh và cấp huyện); Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.
- b) Tài sản công (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), trong các trường hợp:
 - Điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
 - Điều chuyển tài sản công giữa đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã;
 - Điều chuyển tài sản công giữa các huyện, thị xã, thành phố.

c) Tài sản công giữa Văn phòng Tỉnh uỷ và các đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh uỷ với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ).

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương có đơn vị dự toán trực thuộc quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản là: trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán tài sản công thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản là xe ô tô.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định tiêu hủy tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị

mất, bị hủy hoại đối với các tài sản công là: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi tỉnh Hà Nam quản lý bao gồm: điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Nam; bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

b) Tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) đối với dự án thuộc cấp tỉnh quản lý.

c) Điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này) đối với dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý; điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Chương III

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM TÀI SẢN CỦA CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; MUA SẮM HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ ĐỐI VỚI NGUỒN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Điều 13. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với tài sản là: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; các cơ quan, tổ chức, đơn

vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 14. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của địa phương)

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của địa phương)

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ (THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM C VÀ ĐIỂM D KHOẢN 2 ĐIỀU 91 NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2024/NĐ-CP NGÀY 24 THÁNG 02 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐÁU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU)

Điều 15. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của Văn phòng Tỉnh uỷ và các đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh uỷ

Văn phòng Tỉnh uỷ, đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Tỉnh uỷ quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ (trừ quy định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết này)

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương; các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 4 Điều này) đối với gói thầu mua sắm có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo và gói thầu mua sắm có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên đối với các đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý còn lại.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

(bao gồm cả Văn phòng huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện) quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu mua sắm có giá trị dưới 10 tỷ đồng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo và gói thầu mua sắm có giá trị dưới 01 tỷ đồng đối với các lĩnh vực còn lại.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm hàng hoá, dịch vụ để phục vụ hoạt động thuộc phạm vi quản lý.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam và Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Khoá XIX, Kỳ họp thứ mười tám (Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024) thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- TT HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

